

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|--|-----------------------|
| Báo cáo của Ban Lãnh đạo | 2 – 4 |
| Báo cáo công tác soát xét | 5 – 6 |
| Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét | 7 – 47 |
| <i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> | <i>07 – 10</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> | <i>11</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> | <i>12 – 13</i> |
| <i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> | <i>14 – 47</i> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Petro Times (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2024 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Petro Times tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Vật tư Dầu khí Hải Phòng, được thành lập vào ngày 13/10/2015 theo giấy chứng nhận kinh doanh số 0201651354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp và được Bộ Công thương cấp giấy phép kinh doanh xăng dầu số 113/GCNĐDK-SCT ngày 28 tháng 5 năm 2020.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 09 được cấp ngày 04 tháng 07 năm 2024 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 09: 173.249.880.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 54 phố Tiên Phong, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Điện thoại : 0225.3625882
Email : info@petrotimesgroup.com
Mã số thuế : 0201651354

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 47).

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

HĐQT và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------|------------|
| Ông Phạm Văn Kỳ | Chủ tịch |
| Bà Phạm Thị Ly | Thành viên |
| Ông Hồ Văn Kiểm | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Ngọc | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Thà | Thành viên |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-------------------------|----------------------|
| Bà Cao Thị Phương | Trưởng ban kiểm soát |
| Bà Hồ Thị Hương | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-------------------|-------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thà | Tổng Giám đốc |
| Bà Phạm Thị Ly | Phó Tổng Giám đốc |

Kế toán trưởng

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|----------------|
| Bà Phạm Thị Thu Phương | Kế toán trưởng |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công bố trách nhiệm của Ban Lãnh đạo đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

thức ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Thay mặt Ban Lãnh đạo

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Kỳ

Số : 1006.01.01/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Petro Times

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Petro Times được lập ngày 12 tháng 08 năm 2024, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Petro Times tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023 được chúng tôi soát xét có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần. Số liệu so sánh chỉ tiêu lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2024 đã được điều chỉnh lại. Chi tiết xem tại thuyết minh số VI.10.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 286.752.800.562 | 293.270.685.594 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 25.037.444.440 | 37.040.192.355 |
| 1. Tiền | 111 | | 25.037.444.440 | 37.040.192.355 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.2 | 18.952.289.315 | 38.700.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 18.952.289.315 | 38.700.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 83.608.992.511 | 119.899.233.503 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 49.087.389.827 | 61.175.015.847 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 617.091.988 | 10.158.191.741 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | 5.500.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 34.859.914.774 | 44.021.429.993 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (955.404.078) | (955.404.078) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 152.922.961.907 | 95.682.513.040 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 152.922.961.907 | 95.682.513.040 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6.231.112.389 | 1.948.746.696 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.11a | 276.627.813 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 5.954.484.576 | 1.948.746.696 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 168.399.841.940 | 192.694.277.149 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 65.601.322.738 | 66.448.440.882 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8a | 11.320.093.794 | 12.150.126.224 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 16.727.320.614 | 16.727.320.614 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (5.407.226.820) | (4.577.194.390) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8b | 54.281.228.944 | 54.298.314.658 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 54.343.371.800 | 54.343.371.800 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (62.142.856) | (45.057.142) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.9 | 101.582.658.159 | 101.618.406.225 |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | 101.658.920.700 | 101.658.920.700 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | (76.262.541) | (40.514.475) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | 12.424.000.000 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | - | 12.424.000.000 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | 10.000.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2 | - | 10.000.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.215.861.043 | 2.203.430.042 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.11b | 1.215.861.043 | 2.203.430.042 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 455.152.642.502 | 485.964.962.743 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 270.584.734.810 | 306.417.150.840 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 270.584.734.810 | 292.801.040.840 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 6.784.387.490 | 5.849.732.727 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 11.986.165.318 | 3.279.393.538 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 402.257.909 | 347.233.962 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 434.648.156 | 115.456.276 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15 | 27.509.337 | 28.784.337 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16 | 250.949.766.600 | 283.180.440.000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | 13.616.110.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | 13.616.110.000 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 184.567.907.692 | 179.547.811.903 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 184.567.907.692 | 179.547.811.903 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 173.249.880.000 | 157.500.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 173.249.880.000 | 157.500.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (134.050.000) | (134.050.000) |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 11.452.077.692 | 22.181.861.903 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 6.431.981.903 | 14.652.187.485 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 5.020.095.789 | 7.529.674.418 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 455.152.642.502 | 485.964.962.743 |

Người lập biểu



Vũ Thị Phương

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Phương

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2024



Phạm Văn Kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 2.027.231.074.228 | 1.232.067.008.785 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 2.027.231.074.228 | 1.232.067.008.785 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 2.005.253.672.514 | 1.217.727.196.245 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 21.977.401.714 | 14.339.812.540 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 861.248.022 | 6.365.691.229 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 6.852.139.723 | 6.614.497.256 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 6.852.139.723 | 6.548.250.008 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 7.277.975.793 | 5.872.050.734 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 2.434.025.968 | 2.078.181.168 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 6.274.508.252 | 6.140.774.611 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 611.484 | 33.301 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | - | 51.113.395 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 611.484 | (51.080.094) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 6.275.119.736 | 6.089.694.517 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9 | 1.255.023.947 | 1.217.938.904 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>5.020.095.789</u> | <u>4.871.755.613</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | <u>290</u> | <u>294</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | <u>290</u> | <u>294</u> |

Người lập biểu

Vũ Thị Phương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

Phạm Văn Kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 6.275.119.736 | 6.089.694.517 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 882.866.210 | 795.160.102 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (861.248.022) | (3.020.511.468) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 6.852.139.723 | 6.548.250.008 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 13.148.877.647 | 10.412.593.159 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 26.340.181.776 | (31.292.441.166) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (57.240.448.867) | (13.971.272.306) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 8.443.358.147 | 43.566.997.042 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 710.941.186 | 458.932.667 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (6.528.264.447) | (6.548.250.008) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (1.200.000.000) | (1.086.237.761) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (16.325.354.558) | 1.540.321.627 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | (32.538.217.045) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (6.000.000.000) | (106.200.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 41.247.710.685 | 88.500.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.305.569.358 | 1.680.882.262 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 36.553.280.043 | (48.557.334.783) |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 835.142.268.441 | 552.839.751.989 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (867.372.941.841) | (494.045.574.129) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (32.230.673.400) | 58.794.177.860 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (12.002.747.915) | 11.777.164.704 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 37.040.192.355 | 50.940.768.465 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 25.037.444.440 | 62.717.933.169 |

Người lập biểu

Vũ Thị Phương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Chu tịch HĐQT

PHẠM VĂN KỶ

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Công ty Cổ phần Petro Times tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Vật tư Dầu khí Hải Phòng, được thành lập vào ngày 13/10/2015 theo giấy chứng nhận kinh doanh số 0201651354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp và được Bộ Công thương cấp giấy phép kinh doanh xăng dầu số 113/GCNĐDK-SCT ngày 28 tháng 5 năm 2020.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 09 được cấp ngày 04 tháng 07 năm 2024 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 09: 173.249.880.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 54 phố Tiền Phong, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 0225.3625882

Email : info@petrotimesgroup.com

Mã số thuế : 0 2 0 1 6 5 1 3 5 4

2. Lĩnh vực kinh doanh : Buôn bán sản phẩm xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ: Không có.

5. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Doanh nghiệp có 46 nhân viên đang làm việc. (Số đầu năm là 48 nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được lập dự phòng giảm giá.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính theo công thức sau:

Mức trích dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán = Giá trị khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm - Số lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chứng khoán doanh nghiệp đang sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm X Giá chứng khoán thực tế trên thị trường

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Doanh nghiệp phải hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Khi nhà đầu tư nhận được thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chia cổ tức bằng cổ phiếu) để phát hành thêm cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân gia quyền theo từng lần mua).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

a) Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 - 10 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 - 25 |
| Máy móc thiết bị | 10 |
| Tài sản cố định khác | 05 |

b) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Doanh nghiệp bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Doanh nghiệp đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Doanh nghiệp là quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

c) Bất động sản đầu tư (BĐSDT)

BĐSDT gồm: Quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Nguyên giá BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá BĐSĐT.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà và tài sản trên đất | 25 |

Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty thực hiện đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

d) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XDCBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

16. Công cụ tài chính

e) Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

f) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

g) **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1./.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 2.553.102.305 | 5.312.438.912 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 22.484.342.135 | 31.727.753.443 |
| Cộng | <u>25.037.444.440</u> | <u>37.040.192.355</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Ngắn hạn | <u>18.952.289.315</u> | <u>38.700.000.000</u> |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng | 8.952.289.315 | 8.700.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | - | 6.000.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | - | 10.000.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng | - | 4.000.000.000 |
| Dài hạn | - | <u>10.000.000.000</u> |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | - | 10.000.000.000 |
| Cộng | <u>18.952.289.315</u> | <u>48.700.000.000</u> |

Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng MTV SHINHAN Việt Nam - CN Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Nam Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế An Bảo Tín | 13.758.001.049 | 16.842.390.900 |
| Các khách hàng khác | 35.329.388.778 | 44.332.624.947 |
| Cộng | 49.087.389.827 | 61.175.015.847 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|-----------------------|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC tại Hải Phòng | 74.243.843 | 20.351.442 |
| Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Hoàng Trọng | - | 5.172.757.996 |
| Công ty TNHH Vinh Tho | - | 170.496.420 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Quân Đội – Công ty Bảo Hiểm Mĩc Nam Hải Phòng | 290.297.000 | - |
| Công ty Cổ phần TMDV Dầu khí Hải Phát | - | 4.790.460.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 252.551.145 | 4.125.883 |
| Cộng | 617.091.988 | 10.158.191.741 |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan (*) | 33.524.692.000 | - | 41.905.865.000 | - |
| Ông Phạm Văn Kỳ (1) | 10.234.089.600 | - | 12.792.612.000 | - |
| Bà Phạm Thị Ly (2) | 7.266.400.000 | - | 9.486.200.000 | - |
| Bà Hà Thị Kim Oanh (3) | 3.828.602.400 | - | 4.785.753.000 | - |
| Ông Kiều Hữu Sang (4) | 12.195.600.000 | - | 14.841.300.000 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 1.335.222.774 | - | 2.115.564.993 | - |
| Lãi dự thu | 1.335.222.774 | - | 2.031.833.425 | - |
| Phải thu các cây xăng bán lẻ | - | - | 83.731.568 | - |
| Cộng | 34.859.914.774 | - | 44.021.429.993 | - |

(*) Là các khoản ký cược, ký quỹ theo các hợp đồng sau:

(1) Hợp đồng số 01/PPT-HĐKQ ngày 01/06/2023 về việc ký quỹ để đảm bảo nghĩa vụ về việc mượn tài sản làm tài sản thế chấp vay ngân hàng giữa Công ty Cổ phần Petro Times với ông Phạm Văn Kỳ. Tổng giá trị tài sản trên Hợp đồng thế chấp là 25.585.224.000 VND, giá trị ký quỹ bằng 60% giá trị tài sản đảm bảo được định giá bởi ngân hàng tại thời điểm gần nhất là 15.351.134.400 VND. Phụ lục số: 01-01/PPT-PLHĐ ngày 15/12/2023 điều chỉnh giá trị ký quỹ còn 12.792.612.000 VND. Phụ lục số: 01-02/PPT-PLHĐ ngày 25/06/2024 điều chỉnh giá trị ký quỹ còn 10.234.089.600 VND.

(2) Bao gồm 2 hợp đồng sau:

+ Hợp đồng số 03/PPT-HĐKQ ngày 05/06/2023 về việc ký quỹ để đảm bảo nghĩa vụ về việc mượn tài sản làm tài sản thế chấp vay ngân hàng giữa Công ty Cổ phần Petro Times với bà Phạm Thị Ly. Tổng giá trị tài sản trên Hợp đồng thế chấp là 8.064.000.000 VND, giá trị ký quỹ bằng 60% giá trị tài sản đảm bảo được định giá bởi ngân hàng tại thời điểm gần nhất 4.838.400.000 VND. Phụ lục số: 03-01/PPT-PLHĐ ngày 15/12/2023 điều chỉnh giá trị ký quỹ còn 4.032.000.000 VND. Phụ lục số: 03-02/PPT-PLHĐ ngày 25/06/2024 điều chỉnh giá trị ký quỹ còn 3.225.600.000 VND.

+ Hợp đồng số 04/PPT-HĐKQ ngày 05/06/2023 về việc ký quỹ để đảm bảo nghĩa vụ về việc mượn tài sản làm tài sản thế chấp vay ngân hàng giữa Công ty Cổ phần Petro Times với ông Kiều Hữu Sang và bà Phạm

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thị Ly (Vợ của ông Kiều Hữu Sang). Tổng giá trị tài sản trên Hợp đồng thế chấp là 10.102.000.000 VND, giá trị ký quỹ bằng 60% giá trị tài sản đảm bảo được định giá bởi ngân hàng tại thời điểm gần nhất 6.061.200.000 VND. Phụ lục số: 04-01/PPT-PLHĐ ngày 15/12/2023 điều chỉnh giá trị ký quỹ còn 5.051.000.000 VND. Phụ lục số: 04-02/PPT-PLHĐ ngày 25/06/2024 điều chỉnh giá trị ký quỹ còn 4.040.800.000 VND.

(3) Hợp đồng số 02/PPT-HĐKQ ngày 02/06/2023 về việc ký quỹ để đảm bảo nghĩa vụ về việc mượn tài sản làm tài sản thế chấp vay ngân hàng giữa Công ty Cổ phần Petro Times với ông Phạm Văn Kỳ và bà Hà Thị Kim Oanh (Vợ của ông Phạm Văn Kỳ). Tổng giá trị tài sản trên Hợp đồng thế chấp là 9.571.506.00 VND, giá trị ký quỹ bằng 60% giá trị tài sản đảm bảo được định giá bởi ngân hàng tại thời điểm gần nhất là 5.742.903.600 VND. Phụ lục số: 02-01/PPT-PLHĐ ngày 15/12/2023 điều chỉnh giá trị ký quỹ còn 4.785.753.000 VND. Phụ lục số: 02-02/PPT-PLHĐ ngày 25/06/2024 điều chỉnh giá trị ký quỹ còn 3.828.602.400 VND.

(4) Hợp đồng số 05/PPT-HĐKQ ngày 06/06/2023 về việc ký quỹ để đảm bảo nghĩa vụ về việc mượn tài sản làm tài sản thế chấp vay ngân hàng giữa Công ty Cổ phần Petro Times với ông Kiều Hữu Sang. Tổng giá trị tài sản trên Hợp đồng thế chấp 30.489.000.000 VND, giá trị ký quỹ bằng 60% giá trị tài sản đảm bảo được định giá bởi ngân hàng tại thời điểm gần nhất 18.293.400.000 VND. Phụ lục số: 05-01/PPT-PLHĐ ngày 15/12/2023 điều chỉnh giá trị ký quỹ còn 15.244.500.000 VND. Phụ lục số: 05-02/PPT-PLHĐ ngày 25/06/2024 điều chỉnh giá trị ký quỹ còn 12.195.600.000 VND.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết xem tại phụ lục 01. Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|----------------------------|----------------------|-----------------|
| Số đầu năm | (955.404.078) | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | <u>(955.404.078)</u> | <u>-</u> |

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|----------|------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Hàng hóa | <u>152.922.961.907</u> | - | <u>95.682.513.040</u> | - |
| Cộng | <u>152.922.961.907</u> | - | <u>95.682.513.040</u> | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Dâng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định**a) Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|---------------------------|------------------------|------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 3.232.856.631 | 760.000.000 | 12.362.197.855 | 372.266.128 | 16.727.320.614 |
| Số cuối kỳ | 3.232.856.631 | 760.000.000 | 12.362.197.855 | 372.266.128 | 16.727.320.614 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - | 180.000.000 | 180.000.000 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 300.151.059 | 113.999.994 | 3.938.913.727 | 224.129.610 | 4.577.194.390 |
| Khấu hao trong kỳ | 85.422.528 | 37.999.998 | 693.858.752 | 12.751.152 | 830.032.430 |
| Số cuối kỳ | 385.573.587 | 151.999.992 | 4.632.772.479 | 236.880.762 | 5.407.226.820 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 2.932.705.572 | 646.000.006 | 8.423.284.128 | 148.136.518 | 12.150.126.224 |
| Số cuối kỳ | 2.847.283.044 | 608.000.008 | 7.729.425.376 | 135.385.366 | 11.320.093.794 |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 14.767.139.385 VND và 9.881.673.271 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b) Tài sản cố định vô hình**

| | Chương trình phần mềm | Quyền sử dụng đất (*) | Cộng |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 202.000.000 | 54.141.371.800 | 54.343.371.800 |
| Số cuối kỳ | 202.000.000 | 54.141.371.800 | 54.343.371.800 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 45.057.142 | - | 45.057.142 |
| Khấu hao trong kỳ | 17.085.714 | - | 17.085.714 |
| Số cuối kỳ | 62.142.856 | - | 62.142.856 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 156.942.858 | 54.141.371.800 | 54.298.314.658 |
| Số cuối kỳ | 139.857.144 | 54.141.371.800 | 54.281.228.944 |

(*) Bao gồm quyền sử dụng đất tại các địa chỉ sau:

+ Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa 18, lô LK6, khu đô thị ven sông Lạch Tray, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CY537566 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty Cổ phần Petro Times ngày 06 tháng 10 năm 2021. Giá trị ghi sổ của QSDĐ là 6.637.100.000 VND. Quyền sử dụng đất đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

+ Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa 06, tờ bản đồ số 23, địa chỉ xã Đắc Ha, Huyện Đắc Glong, Đắc Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CH001091, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 11.594.825.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa 48, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thôn 1, xã Đắc Ha, Huyện Đắc Glong, Đắc Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CS05431, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 5.295.490.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa 116, tờ bản đồ số 59, địa chỉ Thôn 3, xã Đắc Ha, Huyện Đắc Glong, Đắc Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CS450057, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 16.529.660.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa 17, lô LK6, Khu đô thị ven sông Lạch Tray, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn với đất số DL 570876 số vào sổ cấp GCN VP23425 do Văn phòng đăng ký đất đai, Sở tài nguyên môi trường TP Hải Phòng cấp cho Công ty Cổ phần Petro Times ngày 16/06/2023, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 14.354.296.800 VND.

9. Bất động sản đầu tư**a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

Là tài sản gắn liền với đất tại Thửa 17, lô LK6, KĐT ven sông Lạch Tray, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Chi tiết biến động của tài sản trong kỳ như sau.

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Cộng |
|-------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.787.403.200 | (40.514.475) | 1.746.888.725 |
| Khấu hao trong kỳ | - | (35.748.066) | (35.748.066) |
| Số cuối kỳ | 1.787.403.200 | (76.262.541) | 1.711.140.659 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bao gồm các quyền sử dụng đất mà công ty đang nắm giữ chờ tăng giá. Cụ thể bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 06, tờ bản đồ số 23, địa chỉ xã Đắc Ha, Huyện Đắc Glong, Đắc Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CH001091, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 3.445.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 48, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thôn 1, xã Đắc Ha, Huyện Đắc Glong, Đắc Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CS05431, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 230.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 116, tờ bản đồ số 59, địa chỉ Thôn 3, xã Đắc Ha, Huyện Đắc Glong, Đắc Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CS450057, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 5.512.000.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa 12, lô BT- 42 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506327, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 7.444.062.500 VND

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa 2, lô BT 45 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506345, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 5.535.000.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 3, lô BT 48 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506378, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 4.981.500.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 5, lô BT 33 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506237, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 12.292.312.500 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 7, lô BT 37 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506271, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 10.773.262.500 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 4, lô BT 34 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506244, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 5.535.000.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 4, lô BT 19 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506058, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 8.856.000.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 2, lô BT 47 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 995031, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 6.649.380.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 6, lô BT 37 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506270, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 7.264.175.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 3, lô BT 49 dự án khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở Công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506400, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 7.011.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 4, lô BT 36 dự án khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506260, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 7.147.325.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 19, lô BT 49 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506416, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 7.195.500.000 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản này tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 do chưa tìm được đơn vị tư vấn phù hợp, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư này trên Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Phát sinh giảm | Kết chuyển vào TSCĐ/BDS đầu tur trong năm | Số cuối kỳ |
|-----------------------------|-----------------------|-------------------------|---|------------|
| Mua sắm tài sản cố định (*) | 12.424.000.000 | (12.424.000.000) | - | - |
| Cộng | 12.424.000.000 | (12.424.000.000) | - | - |

(*) Là chi phí nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26 tháng 12 năm 2022 với ông Phạm Quang Hưng. Tài sản nhận chuyển nhượng là thửa đất số 73, số 330, tờ bản đồ số 48 tại xã Phú Tiến, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 924.000.000 VND.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, Công ty đã thanh lý hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên do 2 bên không thực hiện được thủ tục chuyển tên chủ sở hữu QSDĐ, toàn bộ số tiền chuyển nhượng đã được công ty thu hồi lại.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26 tháng 12 năm 2022 với bên liên quan là ông Phạm Văn Kỳ cùng vợ là bà Hà Thị Kim Oanh. Tài sản nhận chuyển nhượng là thửa đất số 329, tờ bản đồ số 48 tại xã Phú Tiến, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 11.500.000.000 VND.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, Công ty đã thanh lý hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên do 2 bên không thực hiện được thủ tục chuyển tên chủ sở hữu QSDĐ, toàn bộ số tiền chuyển nhượng đã được công ty thu hồi lại.

11. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|------------|
| Chi phí mua bảo hiểm | 58.854.375 | - |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 122.302.603 | - |
| Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác | 95.470.835 | - |
| Cộng | 276.627.813 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b) Chi phí trả trước dài hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ dụng cụ | 684.719.778 | 1.298.083.892 |
| Chi phí bảo hiểm | 30.252.200 | 177.784.431 |
| Chi phí thuê cửa hàng | 328.636.360 | 349.090.906 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 172.252.705 | 378.470.813 |
| Cộng | <u>1.215.861.043</u> | <u>2.203.430.042</u> |

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí Ninh Bình | 3.876.000.000 | 5.515.000.000 |
| Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hoàng Khải | 2.105.000.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 803.387.490 | 334.732.727 |
| Cộng | <u>6.784.387.490</u> | <u>5.849.732.727</u> |

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Thái Nguyên | 1.736.000.000 | - |
| Công ty TNHH Vinh Tho | 2.176.249.600 | - |
| Công ty TNHH Thương Mại Bình Dương QN | 757.421.823 | 744.551.500 |
| Công ty Cổ phần Vận tải biển Phúc Đại Lộc | - | 463.339.057 |
| Các khách hàng khác | 7.316.493.895 | 2.071.502.981 |
| Cộng | <u>11.986.165.318</u> | <u>3.279.393.538</u> |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> | | <u>Số cuối kỳ</u> |
|----------------------------|---------------------------|------------------------------|-------------------------------|---------------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>Phải nộp</u> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 343.641.021 | 1.255.023.947 | (1.200.000.000) | 398.664.968 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 3.592.941 | - | - | 3.592.941 |
| Các loại thuế khác | - | 15.870.180 | (15.870.180) | - |
| Cộng | <u>347.233.962</u> | <u>1.270.894.127</u> | <u>(1.215.870.180)</u> | <u>402.257.909</u> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Phải trả ngắn hạn khác**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|
| Kinh phí công đoàn | 18.509.337 | 18.509.337 |
| Bảo hiểm xã hội | | 1.275.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Cộng | 27.509.337 | 28.784.337 |

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 250.949.766.600 | 250.949.766.600 | 283.180.440.000 | 283.180.440.000 |
| Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng (a) | 80.180.110.000 | 80.180.110.000 | 98.778.740.000 | 98.778.740.000 |
| Vay ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Hải Phòng (b) | 37.551.000.000 | 37.551.000.000 | 60.056.000.000 | 60.056.000.000 |
| Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (c) | 59.603.000.000 | 59.603.000.000 | 48.186.000.000 | 48.186.000.000 |
| Vay ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (d) | 50.561.656.600 | 50.561.656.600 | 54.959.700.000 | 54.959.700.000 |
| Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng (e) | 23.054.000.000 | 23.054.000.000 | 12.700.000.000 | 12.700.000.000 |
| Vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (f) | - | - | 8.500.000.000 | 8.500.000.000 |
| Cộng | 250.949.766.600 | 250.949.766.600 | 283.180.440.000 | 283.180.440.000 |

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/10172436/HĐTĐ ngày 28/05/2024. Theo đó, hạn mức cấp tín dụng tối đa của Công ty là 100.000.000.000 VND, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký đến 30/04/2025, thời hạn và lãi suất cho vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản (của bên thứ 3) số 01/2018/10172436/HĐBĐ ngày 27/06/2018. Tài sản đảm bảo là: thửa đất số 268A, tờ bản đồ số 16, diện tích 58m² tại thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn Nam và bà Lưu Thị Nhấm. Giá trị tài sản đảm bảo: 870.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 02/2022/10172436/HĐBĐ ngày 16/12/2022. thửa đất số 943, tờ bản đồ số 7, diện tích 47.9 m² tại tổ 10, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn Trọng và Bà Phạm Thị Chi. Giá trị tài sản đảm bảo: 2.107.600.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp số 04/2018/10172436/HĐBĐ ký ngày 06/07/2018. Tài sản thế chấp là xe Xitec HoWo, biển kiểm soát 15C-298.71 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Thương Mại Vật tư Dầu khí Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Petro times). Giá trị tài sản đảm bảo: 354.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 01/2019/10172436/HĐBĐ ngày 11/01/2019. Tài sản đảm bảo là: thửa đất số 264/2005, tờ bản đồ số 47/2005, diện tích 84m² tại tổ 27, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, thuộc quyền sở hữu của của bà Phạm Thị Ly và ông Kiều Hữu Sang. Giá trị tài sản đảm bảo: 3.528.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp số 02/2019/10172436/HĐBĐ ký ngày 21/01/2019. Tài sản thế chấp là xe Mazda CX5, biển kiểm soát 15A-456.22 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương Mại Vật tư Dầu khí Hải Phòng (nay

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

là Công ty Cổ phần Petro times). Giá trị tài sản đảm bảo: 580.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 03/2019/10172436/HĐBBĐ ngày 18/02/2019. Tài sản đảm bảo là: thửa đất số 48, tờ bản đồ số 52, diện tích 84m² tại tổ 27, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị Ly. Giá trị tài sản đảm bảo: 3.528.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 04/2019/10172436/HĐBBĐ ngày 23/05/2019. Tài sản đảm bảo là: thửa đất số 44, tờ bản đồ số 18, diện tích 425,4m² tại thôn Linh Sơn, xã Bình yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn Kỳ và bà Hà Thị Kim Oanh. Giá trị tài sản đảm bảo: 4.075.500.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 05/2019/10172436/HĐBBĐ ngày 17/10/2019. Tài sản đảm bảo là thửa đất số 49/ lô 98, tờ bản đồ số 2005, diện tích 84m² tại tổ 27, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị Ly. Giá trị tài sản đảm bảo: 3.528.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 06/2019/10172436/HĐBBĐ ngày 13/12/2019. Tài sản đảm bảo là: thửa đất số 591, tờ bản đồ số 16, diện tích 680,6m² tại xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn Kỳ. Giá trị tài sản đảm bảo: 8.610.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp số 01/2020/10172436/HĐBBĐ ngày 14/05/2020. Tài sản thế chấp là xe Xitec chở xăng dầu Hyundai biển kiểm soát 15C-354.64, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Petro times. Giá trị tài sản đảm bảo: 989.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp số 03/2020/10172436/HĐBBĐ ngày 16/10/2020. Tài sản thế chấp là xe ô tô Hyundai Grand I10 biển kiểm soát 15A-621.27 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Petro times. Giá trị tài sản đảm bảo: 300.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 04/2020/10172436/HĐBBĐ ngày 23/11/2020. Số CY 566045 vào sổ số CT15269, thửa đất số 55 tờ bản đồ số 02-2020, diện tích 75m². Đất Số HA2.19 Khu đô thị Vinhomes Marina (lô TT1-04/5) tại Khu đô thị Cầu Rào 2, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn Kỳ. Giá trị tài sản đảm bảo: 7.960.200.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2021/10172436/HĐBBĐ ngày 19/10/2021. Tài sản đảm bảo là thửa 18 lô LK6 khu đô thị ven sông Lạch Tray, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân. Thành phố Hải Phòng. Diện tích 96.m² thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Petro Times. Giá trị tài sản đảm bảo: 8.031.630.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/10172436/HĐBBĐ ngày 24/01/2022. Tài sản thế chấp là xe ô tô Hyundai biển kiểm soát 15H-031.37 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Petro times. Giá trị tài sản đảm bảo: 900.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/10172436/HĐBBĐ ngày 03/07/2023. Tài sản đảm bảo là “biệt thự số CT 506345 số vào sổ cấp GCN CT 10885, thửa 2, lô BT 45 dự án khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng” thuộc sở hữu của công ty cổ phần Petro Times và “biệt thự số CT 506327 số vào sổ cấp GCN CT 10867, thửa 12, lô BT 42 dự án khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng” thuộc sở hữu của công ty cổ phần Petro Times. Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 7.142.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2023/10172436/HĐBBĐ ngày 24/07/2023. Tài sản đảm bảo là “biệt thự số CT 506271 số vào sổ cấp GCN CT 10815, thửa 7, lô BT 37 dự án khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng” thuộc sở hữu của công ty cổ phần Petro Times và “biệt thự số CT 506244 số vào sổ cấp GCN CT 10789, thửa 4, lô BT 34 dự án khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng” thuộc sở hữu của công ty cổ phần Petro Times và “biệt thự số CT 506058 số vào sổ cấp GCN CT 11311, thửa 4, lô BT 19 dự án khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng” thuộc sở hữu của công ty cổ phần Petro Times. Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 13.231.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2023/10172436/HĐBBĐ ngày 27/07/2023. Tài sản đảm bảo là “biệt thự số CT 506237 số vào sổ cấp GCN CT 10782, thửa 5, lô BT 33 dự án khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng” thuộc sở hữu của công ty cổ phần Petro Times. Giá trị tài sản đảm bảo: 5.506.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2023/10172436/HĐBBĐ ngày 27/07/2023. Tài sản thế chấp là xe ô tô đầu kéo International biển kiểm soát 15H-058.83 và sơ mi rơ moóc Yunli biển kiểm soát 15R187.53 thuộc sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

của Công ty Cổ phần Petro times. Giá trị tài sản đảm bảo: 554.000.000 VND.

Tổng cộng giá trị đảm bảo là: 71.794.930.001 VND.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 150768.23.253.2591654.TD ký ngày 26/07/2023. Giá trị hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ). Hạn mức cho vay là: 70.000.000.000 VND, hạn mức thấu chi: 5.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức đến 20/07/2024. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu của Công ty cho giai đoạn 2022-2023. Hiện tại, Công ty đang được cấp tín dụng theo 2 hình thức sau:

Cho vay theo hạn mức là 70.000.000.000 VND; Thời hạn của mỗi khoản vay không quá 03 tháng. Lãi suất áp dụng là lãi suất cố định hoặc thả nổi, được quy định cụ thể tại Hợp đồng và văn bản nhận nợ. Nghĩa vụ vay được đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp tài sản sau:

+ Hợp đồng thế chấp số 26565.20.253.2591654.BĐ ngày 11/06/2020. Tài sản đảm bảo là Xe đầu kéo biển kiểm soát 15C-358.65, xe Sơ mi Romoóc biển kiểm soát 15R-150.97, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Petro times. Giá trị tài sản đảm bảo: 1.360.233.333 VND.

+ Hợp đồng thế chấp số 726.21.253.2591654.BĐ ngày 06/01/2021. Tài sản đảm bảo là Xe đầu kéo biển kiểm soát: 15H-006.34 và xe Sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 15R- 154.24, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Petro times. Giá trị tài sản đảm bảo: 1.175.800.000 VND.

+ Hợp đồng thế chấp (của bên thứ 3) số 4702.21.253.2591654.BĐ ngày 25/01/2021. Tài sản đảm bảo là thửa đất số 515, tờ bản đồ số 110, diện tích 256 m² tại Phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc sở hữu của ông Phạm Văn Kỳ. Giá trị tài sản đảm bảo: 7.530.033.683 VND.

+ Hợp đồng thế chấp số 9817.21.253.2591654.BĐ ngày 26/02/2021. Tài sản đảm bảo là Xe đầu kéo biển kiểm soát: 15H-009.32 và Sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 15R-154.39 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Petro times. Giá trị tài sản đảm bảo: 995.400.000 VND.

+ Hợp đồng thế chấp số 12758.21.253.2591654.BĐ ngày 16/03/2021. Tài sản đảm bảo là Xe ô tô Xitec biển kiểm soát 15C-120.13, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Petro times. Giá trị tài sản đảm bảo: 997.500.000 VND.

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 23177.21.253.2591654.BĐ ngày 06/05/2021. Tài sản đảm bảo là thửa đất số 449, Tờ bản đồ số 60 (TL đo năm 2004), diện tích 233m² tại Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc sở hữu của ông Phạm Văn Kỳ. Giá trị tài sản đảm bảo: 7.627.260.193 VND.

+ Hợp đồng thế chấp số 83132.22.253.2591654.BĐ ngày 29/08/2022. Tài sản đảm bảo là Xe ô tô biển kiểm soát số 15H-051.07 và số 15H-050.66, số 15H- 050.41 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Petro times. Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 2.365.500.000 VND

+ Hợp đồng thế chấp số 168746.23.253.2591654.BĐ ngày 24/10/2023 – Thửa 4 lô BT 36 – Dự án Khu Đô thị Trảng Duệ, An Dương, TP Hải Phòng mang tên Công ty Cổ phần Petro Times. Giá trị tài sản đảm bảo: 3.049.044.000 VND.

+ Hợp đồng thế chấp số 168747.23.253.2591654.BĐ ngày 24/10/2023 – Thửa 19 lô BT 49 – Dự án Khu Đô thị Trảng Duệ, An Dương, TP Hải Phòng mang tên Công ty Cổ phần Petro Times. Giá trị tài sản đảm bảo: 3.515.413.912 VND.

+ Hợp đồng thế chấp số SHBVN/HPB/2023/HDTG/256 ngày 19/06/2023 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01-2023/VCB HPH - PTT ngày 17/3/2023 số tiền 5.000.000.000 VND, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 8.2%/năm tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

+ Hợp đồng thế chấp số SHBVN/HPB/2023/HDTG/257 ngày 19/06/2023 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02-2023/VCB HPH - PTT ngày 17/3/2023 số tiền 5.000.000.000 VND, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 8.2%/năm tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

Cho vay theo hạn mức thấu chi là 5.000.000.000 VND; Loại hình thấu chi là thấu chi theo dòng tiền (không tài sản đảm bảo). Thời hạn cấp hạn mức thấu chi từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 20/07/2024. Lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi hoàn toàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 75/2024-HĐCVHM/NHCT160 – PETRO TIMES. Hạn mức cho vay không vượt quá 55.000.000.000 VNĐ. Thời hạn duy trì hạn mức từ 09/05/2024 đến 09/05/2025. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, được xác định và điều chỉnh theo quy định tại Hợp đồng cấp hạn mức và trên giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ không quá 2 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản nay được bảo đảm bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp số 51/2021/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 10/06/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp BDS số 52/2021/SĐBSHĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ký 10/06/2021. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng 58m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 268B, tờ bản đồ số 16, tại địa chỉ: Thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu của ông Kiều Hữu Sang và vợ là bà Phạm Thị Ly. Giá trị tài sản đảm bảo là: 1.508.000.000 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 107/2021/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 02/12/2021. Tài sản thế chấp là: Thửa đất tại Tổ 27 Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, thửa số 122 diện tích 84m². Giá trị tài sản đảm bảo là: 4.116.000.000 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 50/2022/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 07/06/2022. Tài sản thế chấp là: Thửa đất Xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, TP Hồ Chí Minh, thửa số 640, diện tích 1.306,8 m² thuộc sở hữu của ông Phạm Văn Kỳ và vợ là bà Hà Thị Kim Oanh. Giá trị đảm bảo tài sản là: 6.583.000.000 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 38/2022/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 23/03/2022. Tài sản thế chấp là: Thửa đất Xã Trung An, huyện Cù Chi, TP Hồ Chí Minh, thửa số 68, diện tích 2.844,6 m² thuộc sở hữu của ông Kiều Hữu Sang. Giá trị đảm bảo tài sản là: 13.779.000.000 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 44/2022/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 27/04/2022. Tài sản thế chấp là: Thửa đất Xã Nhuận Đức, huyện Cù Chi, TP Hồ Chí Minh, thửa số 565, diện tích 1.377 m² thuộc sở hữu của ông Kiều Hữu Sang. Giá trị đảm bảo tài sản là: 9.613.000.000 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 43/2022/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 27/04/2022. Tài sản thế chấp là: Thửa đất Xã Trung Lập Hạ, huyện Cù Chi, TP Hồ Chí Minh, thửa số 884 tờ bản đồ số 10, diện tích 1.573,9 m² thuộc sở hữu của ông Kiều Hữu Sang. Giá trị đảm bảo tài sản là: 9.310.000.000 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2023/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 12/01/2023. Tài sản thế chấp là: Thửa đất số 702 tờ bản đồ số 46 địa chỉ xã Tân Nhựt, Bình Chánh HCM, diện tích 1.367,8 m², mang tên ông Phạm Văn Kỳ. Giá trị đảm bảo tài sản là: 9.904.000.000 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 61/2023/HĐBĐ/NHCT160-CNHP ngày 25/07/2023. Tài sản thế chấp là: Bìa đất số CT 506378 số vào sổ cấp GCN CT 10918, thửa 3, lô BT 48 dự án khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng” thuộc sở hữu của công ty cổ phần Petro Times. Giá trị tài sản đảm bảo: 3.420.000.000 VNĐ.

(d) Khoản vay Ngân hàng MTV SHINHAN Việt Nam - CN Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SHBVN/HPB/2022/HDTD/641 ngày 13/07/2022, Phụ lục gia hạn – sửa đổi bổ sung số SHBVN/HPB/2022/HDTD/641/02 ngày 19/06/2023 và Thỏa thuận số 04 ngày 05/12/2023. Hạn mức tín dụng 55.000.000.000 VNĐ, thời hạn duy trì hạn mức 01 năm từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 12/07/2024, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay với mỗi khoản vay không quá 04 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng số 703-005-097091 lãi suất 5,7%/năm tại ngân hàng TNHH MTV Shinhan Vietnam – Chi nhánh Hải Phòng, trị giá đảm bảo 5.000.000.000 đồng.

- Tài khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng số 703006263106 lãi suất 4,2%/năm tại ngân hàng TNHH MTV Shinhan Vietnam – Chi nhánh Hải Phòng, trị giá đảm bảo 3.700.000.000 đồng.

- Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn với đất tại thửa số 67, tờ bản đồ số 35 tại địa chỉ: thửa 17, lô LK6, Khu đô thị thị ven sông Lạch Tray, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn với đất số DL 570876 số vào sổ cấp GCN VP23425 do VP đăng ký đất đai, Sở tài nguyên môi trường TP Hải Phòng cấp cho Công ty Cổ phần Petro Times ngày 16/06/2023. Giá trị tài sản đảm bảo là: 6.327.163.400 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn với đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số: 05-2020. Địa chỉ số SB6.01 khu đô thị Vinhomes Marina (lô TT2-05/1 khu đô thị Cầu Rào 2) phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn với đất số DB 936968 số vào sổ cấp GCN CT 17425. Diện tích 238,1m². Thuộc sở hữu của ông Phạm Văn Kỳ và vợ bà Hà Thị Kim Oanh. Giá trị tài sản đảm bảo là: 27.791.008.000 VNĐ.

(e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đông Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023/HĐCVHM/VCB-PT ngày 23/08/2023. Hạn mức tín dụng 30.000.000.000 VNĐ, thời hạn duy trì hạn mức 01 năm từ ngày ký hợp đồng tín dụng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay với mỗi khoản vay không quá 03 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2023/HĐTC/VCB-PT ngày 23/08/2023. Tài sản thế chấp là: bìa đất số DE 995031 số vào sổ cấp GCN CT 20125, thửa 2, lô BT 47 dự án khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, thuộc sở hữu của công ty cổ phần Petro Times. Giá trị tài sản đảm bảo: 2.703.000.000 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2023/HĐTC/VCB-PT ngày 23/08/2023. Tài sản thế chấp là: bìa đất số CT 506352 số vào sổ cấp GCN CT 10892, thửa 4, lô BT 46 dự án khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng” và bìa đất số CT 506353 số vào sổ cấp GCN CT 10893, thửa 5, lô BT 46 dự án khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng”. thuộc sở hữu của công ty cổ phần Petro Times. Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 5.526.000.000 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2023/HĐTC/VCB-PT ngày 12/09/2023. Tài sản thế chấp là : bìa đất số DE 506270 số vào sổ cấp GCN CT 10814, thửa 6, lô BT 37 dự án khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. thuộc sở hữu của công ty cổ phần Petro Times. Giá trị tài sản đảm bảo: 2.648.300.000 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/2023/HĐTC/VCB-PT ngày 03/10/2023. Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất tại thửa 3 Lô BT-49 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, TP Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CT 506400. Diện tích 180 m². Thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Petro Times. Giá trị tài sản đảm bảo: 2.700.000.000 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp số 05/2024/HĐTC/VCB-PT ngày 16/04/2024. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 1122 tờ bản đồ số 1 diện tích 193m² địa chỉ thôn Lặng Côn, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số DN 551895. Mang tên Kiều Hữu Sang và Phạm Thị Ly. Giá trị tài sản đảm bảo: 3.435.400.000VNĐ

- Hợp đồng thế chấp số 06A/2024/HĐTC/VCB-PT ngày 16/04/2024. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 227 tờ bản đồ số 58 diện tích 240m² địa chỉ tổ dân phố số 2 Hải Thành, Dương Kinh, TP Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số DD 678906. Mang tên Kiều Thị Hiên. Giá trị tài sản đảm bảo: 3.032.400.000 VNĐ

- Hợp đồng thế chấp số 06B/2024/HĐTC/VCB-PT ngày 16/04/2024. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 230 tờ bản đồ số 58 diện tích 240m² địa chỉ tổ dân phố số 2 Hải Thành, Dương Kinh, TP Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số DD 678907. Mang tên Kiều Thị Hiên. Giá trị tài sản đảm bảo: 3.032.400.000 VNĐ.

(f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 130923-5667429-01-SME ngày 15/09/2023. Hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VNĐ, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng tính từ ngày ký kết hợp đồng. Mục đích cấp tín dụng là bổ sung vốn lưu động, phát hành LC UPAS nội địa phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm khác liên quan. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không vượt quá 4 tháng. Hạn mức không Tài sản bảo đảm tối đa 10 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|------------------------|------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 283.180.440.000 | 835.142.268.441 | (867.372.941.841) | 250.949.766.600 |
| Cộng | 283.180.440.000 | 835.142.268.441 | (867.372.941.841) | 250.949.766.600 |

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | <u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> | <u>Thặng dư vốn cổ phần</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm trước | 150.000.000.000 | (134.050.000) | 14.652.187.485 | 164.518.137.485 |
| Tăng vốn bằng tiền | 7.500.000.000 | - | - | 7.500.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 7.529.674.418 | 7.529.674.418 |
| Số dư cuối năm trước | 157.500.000.000 | (134.050.000) | 22.181.861.903 | 179.547.811.903 |
| Số dư đầu năm nay | 157.500.000.000 | (134.050.000) | 22.181.861.903 | 179.547.811.903 |
| Tăng vốn trong kỳ (*) | 15.749.880.000 | - | (15.749.880.000) | - |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | 5.020.095.789 | 5.020.095.789 |
| Số dư cuối kỳ này | 173.249.880.000 | (134.050.000) | 11.452.077.692 | 184.567.907.692 |

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/PPT/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 04 năm 2024 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 theo tỷ lệ 10%, tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền là 10:1 (tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận cổ tức là 01 cổ phiếu mới phát hành thêm).

Ngày 28 tháng 06 năm 2024, Công ty đã nhận được Công văn chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Theo báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 của PPT số 4026/UBCK-QLCB số lượng cổ phiếu đã phân phối là 1.574.988 cổ phiếu.

Đến ngày 04 tháng 07 năm 2024, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 về việc tăng vốn điều lệ từ 157.500.000.000 đồng lên 173.249.880.000 đồng.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Tỷ lệ</u> | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tỷ lệ</u> |
|------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| Ông Phạm Văn Kỳ | 31.350.000.000 | 18,10% | 28.500.000.000 | 18,10% |
| Bà Phạm Thị Ly | 11.275.000.000 | 6,51% | 10.250.000.000 | 6,51% |
| Các cổ đông khác | 130.624.880.000 | 75,39% | 118.750.000.000 | 75,39% |
| Cộng | 173.249.880.000 | 100,00% | 157.500.000.000 | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

c) Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 17.324.988 | 15.750.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 17.324.988 | 15.750.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 17.324.988 | 15.750.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 17.324.988 | 15.750.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 17.324.988 | 15.750.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 17.324.988 | 15.750.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND./.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu**

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.027.177.074.228 | 1.232.067.008.785 |
| Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư | 54.000.000 | - |
| Cộng | 2.027.231.074.228 | 1.232.067.008.785 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 2.005.217.924.448 | 1.217.727.196.245 |
| Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư | 35.748.066 | - |
| Cộng | 2.005.253.672.514 | 1.217.727.196.245 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 861.248.022 | 3.071.591.229 |
| Lãi bán chứng khoán kinh doanh | - | 3.294.100.000 |
| Cộng | 861.248.022 | 6.365.691.229 |

4. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 6.852.139.723 | 6.548.250.008 |
| Chi phí tài chính khác | - | 66.247.248 |
| Cộng | 6.852.139.723 | 6.614.497.256 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 1.910.982.072 | 1.291.713.926 |
| Chi phí vận chuyển | 4.459.711.382 | 3.502.182.444 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 204.893.315 | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 702.389.024 | 668.789.839 |
| Các chi phí khác | 68.800.613 | 409.364.525 |
| Cộng | 7.277.975.793 | 5.872.050.734 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 1.352.463.311 | 961.122.131 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 310.594.699 | 353.557.015 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 144.729.120 | 126.370.263 |
| Thuế, phí và lệ phí | 15.870.180 | 10.500.000 |
| Các chi phí khác | 610.368.658 | 626.631.759 |
| Cộng | 2.434.025.968 | 2.078.181.168 |

7. Thu nhập khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập khác | 611.484 | 33.301 |
| Cộng | 611.484 | 33.301 |

8. Chi phí khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ thanh lý tài sản cố định | - | 51.079.761 |
| Chi phí khác | - | 33.634 |
| Cộng | - | 51.113.395 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 6.275.119.736 | 6.089.694.517 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 6.275.119.736 | 6.089.694.517 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 1.255.023.947 | 1.217.938.904 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 1.255.023.947 | 1.217.938.904 |

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.020.095.789 | 4.871.755.613 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 5.020.095.789 | 4.871.755.613 |
| Số lượng bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 17.324.988 | 16.574.988 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 290 | 294 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 17.324.988 | 15.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng vốn trả cổ tức | - | 1.574.988 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 17.324.988 | 16.574.988 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 515.488.014 | 353.557.015 |
| Chi phí nhân công | 2.528.979.746 | 2.252.836.057 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 882.866.210 | 795.160.102 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.125.376.406 | 3.502.182.444 |
| Chi phí khác | 695.039.451 | 1.046.496.284 |
| Cộng | 9.747.749.827 | 7.950.231.902 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Kỳ này |
|--|----------------|
| Lãi tiền gửi nhập gốc | 252.289.315 |
| Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ chi trả cổ tức bằng lợi nhuận năm 2023 | 15.749.880.000 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch phát sinh giữa Doanh nghiệp với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Ông Phạm Văn Kỳ | | |
| <i>Chuyển tiền ký quỹ</i> | - | 15.351.134.400 |
| <i>Thu lại tiền ký quỹ</i> | 2.558.522.400 | - |
| <i>Thu lại tiền chứng nhận QSDĐ</i> | 11.500.000.000 | - |
| Bà Phạm Thị Ly | | |
| <i>Chuyển tiền ký quỹ</i> | - | 10.899.600.000 |
| <i>Thu lại tiền ký quỹ</i> | 1.816.600.000 | - |
| <i>Chuyển tiền ký quỹ bà Phạm Thị Ly sang cho ông Kiều Hữu Sang</i> | 403.200.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Bà Hà Thị Kim Oanh (Vợ của ông Phạm Văn Kỳ)***Chuyển tiền ký quỹ**Thu lại tiền ký quỹ*- 5.742.903.600
957.150.600 -**Ông Kiều Hữu Sang (Chồng của Bà Phạm Thị Ly)***Chuyển tiền ký quỹ**Thu lại tiền ký quỹ*- 18.293.400.000
2.645.700.000 -**Cam kết bảo lãnh**

Ngoài ra, Ông Phạm Văn Kỳ, bà Phạm Thị Ly, bà Hà Phạm Thị Kim Oanh và ông Kiều Hữu Sang còn dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng; Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Nam Hải Phòng; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Xem thuyết minh số V.16). Cụ thể:

| Số thửa đất | Diện tích | Địa chỉ | Thuộc sở hữu | Giá trị TSĐB |
|--------------------------------|------------------------|---|--------------------------------------|--------------------|
| Số 264/2005, tờ bản đồ số 7 | 84 m ² | Tổ 27, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng | Bà Phạm Thị Ly – Ông Kiều Hữu Sang | 3.528.000.000VND |
| Số 48, tờ bản đồ số 52 | 84 m ² | Tổ 27, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng | Bà Phạm Thị Ly | 3.528.000.000VND |
| Số 44, tờ bản đồ số 18 | 425,4 m ² | Thôn Linh Sơn, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội | Ông Phạm Văn Kỳ - Bà Hà Thị Kim Oanh | 4.075.500.000 VND |
| Số 49/lô 98, tờ bản đồ số 2005 | 84 m ² | Tổ 27, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng | Bà Phạm Thị Ly | 3.528.000.000VND |
| Số 591, tờ bản đồ số 16 | 680,6 m ² | Xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh | Ông Phạm Văn Kỳ | 8.610.000.000VND |
| Số 55 tờ bản đồ số 02-2020 | 75 m ² | Khu đô thị Cầu Rào 2, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng | Ông Phạm Văn Kỳ | 7.960.200.000VND |
| Số 515, tờ bản đồ số 110 | 256 m ² | Phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh | Ông Phạm Văn Kỳ | 7.530.033.683 VND |
| Số 449, Tờ bản đồ số 60 | 233 m ² | Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh | Ông Phạm Văn Kỳ | 7.627.260.193 VND |
| Số 268B, tờ bản đồ số 16 | 58 m ² | Thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng | Ông Kiều Hữu Sang – Bà Phạm Thị Ly | 1.508.000.000 VND |
| Số 884, tờ bản đồ số 10 | 1.573,9 m ² | Xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh | Ông Kiều Hữu Sang | 9.310.000.000 VND |
| Số 68 | 2.844,6 m ² | Xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh | Ông Kiều Hữu Sang | 13.779.000.000 VND |
| Số 565 | 1.377 m ² | Xã Nhận Đức, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh | Ông Kiều Hữu Sang | 9.613.000.000 VND |
| Số 640 | 1.306,8 m ² | Xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh | Ông Phạm Văn Kỳ - Bà Hà Thị Kim Oanh | 6.583.000.000 VND |

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với Công ty được trình bày tại thuyết minh số V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| Họ tên | Chức danh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| Ông Phạm Văn Kỳ | Chủ tịch HĐQT | 124.477.692 | 94.053.615 |
| | Thành viên HĐQT kiêm | | |
| Bà Phạm Thị Ly | Phó Tổng Giám đốc | 113.554.616 | 66.885.385 |
| Ông Hồ Văn Kiêm | Thành viên HĐQT | 75.516.154 | 96.945.000 |
| Bà Nguyễn Thị Thà | Thành viên HĐQT | 113.555.616 | 84.131.154 |
| Bà Cao Thị Phương | Trưởng BKS | 67.223.846 | 50.835.846 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương | Thành viên BKS | - | 44.006.308 |
| Bà Hồ Thị Hương | Thành viên BKS | 63.315.000 | 73.671.462 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Thảo | Người phụ trách quản trị | 54.785.384 | - |
| Cộng | | 612.428.308 | 556.748.263 |

2. Thông tin bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ thực hiện kinh doanh, buôn bán xăng dầu, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

B, Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra chủ yếu ở Hải Phòng, chiếm phần lớn doanh thu. Việc kinh doanh ở các địa bàn khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong Hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo Hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 250.949.766.600 | - | - | 250.949.766.600 |
| Phải trả người bán | 6.784.387.490 | - | - | 6.784.387.490 |
| Các khoản phải trả khác | 462.157.493 | - | - | 462.157.493 |
| Cộng | 258.196.311.583 | - | - | 258.196.311.583 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 283.180.440.000 | - | - | 283.180.440.000 |
| Phải trả người bán | 5.849.732.727 | 13.616.110.000 | - | 19.465.842.727 |
| Các khoản phải trả khác | 144.240.613 | - | - | 144.240.613 |
| Cộng | 289.174.413.340 | 13.616.110.000 | - | 302.790.523.340 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 25.037.444.440 | 37.040.192.355 | 25.037.444.440 | 37.040.192.355 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 18.952.289.315 | 48.700.000.000 | 18.952.289.315 | 48.700.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 48.131.985.749 | 60.219.611.769 | 48.131.985.749 | 60.219.611.769 |
| Các khoản cho vay | - | 5.500.000.000 | - | 5.500.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 34.859.914.774 | 44.021.429.993 | 34.859.914.774 | 44.021.429.993 |
| Cộng | 126.981.634.278 | 195.481.234.117 | 126.981.634.278 | 195.481.234.117 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 250.949.766.600 | 283.180.440.000 | 250.949.766.600 | 283.180.440.000 |
| Phải trả người bán | 6.784.387.490 | 19.465.842.727 | 6.784.387.490 | 19.465.842.727 |
| Các khoản phải trả khác | 462.157.493 | 144.240.613 | 462.157.493 | 144.240.613 |
| Cộng | 258.196.311.583 | 302.790.523.340 | 258.196.311.583 | 302.790.523.340 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

5. Các Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước xác định lại do điều chỉnh sai sót và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Chi tiết số liệu điều chỉnh như sau:

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Số điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|---|-------|--------------------------|---------------|------------------------|
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 3.248 | (2.954) | 294 |

Lập ngày 12 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Phương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Chủ tịch HĐQT



Phạm Văn Kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phu lục 01: Dự phòng phải thu khó đòi

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|--------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Thời gian quá hạn | Giá gốc |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sơn Trang | Từ 1 năm đến 2 năm | 535.122.000 | Ít hơn 6 tháng | 535.122.000 |
| | Từ 1 năm đến 2 năm | 1.375.686.156 | Ít hơn 6 tháng | 1.375.686.156 |
| Công ty TNHH hàng hải An Tâm | | <u>1.910.808.156</u> | | <u>1.910.808.156</u> |
| Cộng | | <u>955.404.078</u> | | <u>955.404.078</u> |

